

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

---

**Tháng 04 năm 2021**

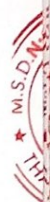
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch
Ông Phạm Hùng	Thành viên
Bà Trần Thị Minh	Thành viên

##### **Ban Giám đốc**

Ông Dương Quang Hưng	Giám đốc
Ông Phan Huy Hùng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Anh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/10/2020)

##### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Quang Hưng	Giám đốc
----------------------	----------

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Dương Quang Hưng**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021

546  
ÔNG  
TINH  
M T  
AC  
PHC



Số: 243 /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 4 năm 2021, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn của Công ty có giá trị hợp đồng không bao gồm thuế là 171,24 tỷ đồng. Doanh thu lũy kế đã ghi nhận đến ngày 31/12/2020 là 171,34 tỷ đồng, chi phí dở dang của Dự án tại thời điểm 31/12/2020 là 17,3 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 16,32 tỷ đồng). Công ty đã lập hồ sơ đề nghị chủ đầu tư giá trị bổ sung 27,7 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và chủ đầu tư đang tiếp tục làm việc về giá trị bổ sung này. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm 2020 của Công ty.

Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 31/12/2020 bao gồm công trình 82 Nguyễn Tuân đã quyết toán, giá trị dở dang còn lại chưa được ghi nhận vào chi phí khoảng 10,2 tỷ đồng. Nếu ghi nhận đầy đủ theo quy định thì lỗ trên Báo cáo tài chính sẽ tăng lên 10,2 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2020, ngoài hai khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hai công trình nêu trên, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty không thay đổi qua các năm với giá trị khoảng 57 tỷ đồng. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng cần thiết để xác định ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

**Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh**  
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-28) 3840 6618  
Fax: (84-28) 3840 6616

**Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai**  
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng  
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai  
Tel: (84-251) 382 8560  
Fax: (84-251) 382 8560

**Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng**  
Tầng 4, số 19, Đ. Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ  
Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 353 4655  
Fax: (84-225) 353 4316

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

Tại ngày 31/12/2020, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 4,4 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2019 là 2,9 tỷ đồng).

Tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020, một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được Công ty đối chiếu đầy đủ, cụ thể: Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2020 là 52,1 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 66,8 tỷ đồng), trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2020 là 11,9 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 14 tỷ đồng), phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2020 là 65,4 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 74,7 tỷ đồng), phải trả người bán tại ngày 31/12/2020 là 51,9 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 103,3 tỷ đồng), người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2020 là 14,5 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 43,2 tỷ đồng), phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2020 là 40 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 37,9 tỷ đồng), vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là 1,9 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 2,2 tỷ đồng). Tại ngày 31/12/2020, có một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty không thay đổi qua các năm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 42,8 tỷ đồng, phải trả người bán là 72,6 tỷ đồng, trả trước cho người bán là 10,5 tỷ đồng, người mua trả tiền trước là 30 tỷ đồng, phải thu khác là 54,5 tỷ đồng và phải trả khác là 63,9 tỷ đồng. Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và thanh toán các khoản công nợ này. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như trình bày tại Thuyết minh số 2, trong đó mô tả về tính hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 446/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 09/04/2020 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ (về vấn đề chưa đánh giá khoản lỗ tiềm tàng, chưa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, chưa ghi nhận khoản lãi chậm nộp thuế, chưa có đủ thư xác nhận một số khoản công nợ phải thu, phải trả).



Nguyễn Đức Tiến  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Trần Tuấn Anh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2020-156-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú,  
Phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 01-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>344.620.522.542</b>	<b>419.096.386.887</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>18.027.182.600</b>	<b>67.937.937.470</b>
1. Tiền	111		4.327.182.600	53.787.937.470
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.700.000.000	14.150.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>10.350.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.350.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>218.757.654.742</b>	<b>222.752.507.533</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	90.945.508.422	94.752.947.379
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	30.856.304.459	16.610.625.158
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	114.957.013.429	130.940.106.564
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(18.001.171.568)	(19.551.171.568)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>95.657.900.354</b>	<b>128.405.941.884</b>
1. Hàng tồn kho	141		95.657.900.354	128.405.941.884
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.827.784.846</b>	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.827.784.846	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>42.589.086.820</b>	<b>44.828.657.488</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.172.774.169</b>	<b>10.704.338.007</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.435.611.598	9.935.882.700
- Nguyên giá	222		21.620.879.516	23.218.279.516
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.185.267.918)	(13.282.396.816)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	737.162.571	768.455.307
- Nguyên giá	228		889.636.601	889.636.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(152.474.030)	(121.181.294)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>18.228.913.617</b>	<b>18.228.913.617</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	18.228.913.617	18.228.913.617
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>14.390.211.000</b>	<b>14.390.211.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.200.000.000	12.200.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.380.000.000	3.380.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.189.789.000)	(1.189.789.000)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>797.188.034</b>	<b>1.505.194.864</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	797.188.034	1.505.194.864
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>387.209.609.362</b>	<b>463.925.044.375</b>


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>356.916.718.078</b>	<b>418.490.423.079</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>356.916.718.078</b>	<b>418.276.534.174</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	137.553.958.658	181.640.791.728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	60.744.387.046	87.304.515.443
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	11.625.979.198	4.815.135.761
4. Phải trả người lao động	314		848.064.739	1.024.075.710
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	10.544.925.193	16.302.588.009
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	65.181.606.274	66.754.463.738
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	70.003.356.048	60.015.022.863
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		414.440.922	419.940.922
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>213.888.905</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	-	213.888.905
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.292.891.284</b>	<b>45.434.621.296</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>30.292.891.284</b>	<b>45.434.621.296</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.450.000.000	45.450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.450.000.000	45.450.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.498.950.000	4.498.950.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.656.058.716)	(4.514.328.704)
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(4.514.328.704)	(4.787.332.019)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(15.141.730.012)	273.003.315
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>387.209.609.362</b>	<b>463.925.044.375</b>

  
Đỗ Trung Dũng  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021

  
Đỗ Văn Hùng  
Kế toán trưởng

  
Dương Quang Hưng  
Giám đốc








**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	121.503.264.834	275.690.207.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		121.503.264.834	275.690.207.442
4. Giá vốn hàng bán	11	23	125.078.808.269	270.079.828.504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(3.575.543.435)	5.610.378.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.398.236.565	886.857.000
7. Chi phí tài chính	22	25	3.745.016.297	3.114.727.199
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.745.016.297	3.114.727.199
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	2.923.650.315	4.558.749.147
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(8.845.973.482)	(1.176.240.408)
11. Thu nhập khác	31	28	7.918.279.021	5.292.938.020
12. Chi phí khác	32	29	14.214.035.551	3.843.694.297
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(6.295.756.530)	1.449.243.723
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(15.141.730.012)	273.003.315
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(15.141.730.012)	273.003.315
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(3.332)	60

  
Đỗ Trung Dũng  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021

  
Đỗ Văn Hùng  
Kế toán trưởng


  
Dương Quang Hưng  
Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(15.141.730.012)	273.003.315
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	533.188.862	1.176.129.838
Các khoản dự phòng	03	(1.550.000.000)	(790.764.000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.299.861.589)	(1.661.789.512)
Chi phí lãi vay	06	3.745.016.297	3.114.727.199
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(13.713.386.442)	2.111.306.840
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	3.717.067.945	94.200.515.570
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	32.748.041.530	35.841.847.940
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(71.388.562.675)	(97.480.128.921)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	708.006.830	(309.323.545)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.878.995.297)	(2.343.320.066)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(47.373.354)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	260.320.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(297.323.130)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(51.807.828.109)</b>	<b>31.936.521.334</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	900.000.000	2.227.590.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.350.000.000)	(6.850.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	9.150.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.398.236.565	886.774.007
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.051.763.435)</b>	<b>5.414.364.007</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	60.367.005.399	64.733.109.806
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(50.418.168.725)	(76.203.457.156)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.069.450)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>9.948.836.674</b>	<b>(11.473.416.800)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(49.910.754.870)</b>	<b>25.877.468.541</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>67.937.937.470</b>	<b>42.060.468.929</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>18.027.182.600</b>	<b>67.937.937.470</b>

  
**Đỗ Trung Dũng**  
 Người lập biểu  
 Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021

  
**Đỗ Văn Hùng**  
 Kế toán trưởng

  
  
**Dương Quang Hưng**  
 Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này